TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày 31-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tên viết tắt là VPBank); Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ: Tầng 12, toà nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thuỳ D, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 991/2024/UQ-MARS.VPB ngày 10/7/2024). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn X, sinh năm 1957 và bà Trần Thị N, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, thành Phố Hải Phòng. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (VPBank) trình bày:

Ông Bùi Văn X và vợ là bà Trần Thị N (bên vay) và Ngân hàng TMCP V (bên cho vay) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/7/2022 với các nội dung cơ bản sau: VPBank đồng ý cho ông X và bà N vay số tiền là 2.460.000.000 đồng; Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh cá và thanh toán phí bảo hiểm; Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày các bên ký hợp đồng này; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8%/năm, lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả bằng 10%/năm và được áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngày 16/8/2022 VPBank đã tiến hành giải ngân cho ông X và bà N số tiền 2.460.000.000đồng theo Khế ước nhận nợ đã ký.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 bà Trần Thị N ký Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, hạn mức khách hàng đề nghị là tối đa bằng 5% giá trị khoản vay có tài sản bảo đảm được VPBank phê duyệt theo đề nghị tại Giấy đề nghị, hạn mức tín dụng tối đa là 123.000.000đồng, thời hạn 12 tháng tính từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 đến ngày 16 tháng 8 năm 2023, hạn mức tín dụng được cấp thông qua hình thức phát hành thẻ cho chủ thẻ để thực hiện các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và ứng tiền mặt; mục đích sử dụng tiêu dùng; lãi suất cho vay trong hạn là 26,32%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phí theo quy định về biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do Ngân hàng Thương mại cổ phần V phát hành. Ngày 17 tháng 8 năm 2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cấp thẻ tín dụng loại thẻ MC Platinum Credit CASHBACK cho bà Trần Thị N. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà Trần Thị N được rút tiền mặt hoặc sử dụng tiêu dùng trong tháng. Hàng tháng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V sẽ lập bảng thông báo giao dịch thẻ tín dụng liệt kê chi tiết các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ giao dịch lần trước, tổng số dư nợ, số

tiền đã thanh toán, số dư nợ đầu kỳ, số dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu và ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V sẽ gửi thông báo giao dịch thẻ tín dụng qua tin nhắn điện thoại cho bà Trần Thị N. Nếu quá thời hạn theo thông báo mà bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mà Ngân Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã thông báo thì bà Trần Thị N sẽ phải chịu lãi trong hạn của số tiền đã sử dụng hoặc đã rút.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay trên là: Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Văn Phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Thủy Nguyên theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã giải ngân đủ số tiền vay của các hợp đồng cho vay trên cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N theo hình thức chuyển khoản. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng cho vay ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 32.711.910 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 0 đồng, lãi trong hạn là 32.711.910 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng. Trong đó Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 16/8/2022 ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N đã trả được số tiền nợ gốc là 0 đồng và số tiền nợ lãi 32.711.910 đồng.

Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 từ ngày 15/11/2022 và theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử từ ngày 11/01/2023.

Tính đến ngày 31/7/2024 ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N còn nợ VPBank tổng số tiền là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng). Trong đó theo Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 tổng số tiền là 3.306.734.368 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.460.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 817.624.797 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 4.255.785đồng). Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo

đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử tổng số tiền là 182.595.879 đồng (trong đó, nợ gốc là: 98.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 0 đồng, nợ lãi quá hạn là: 83.850.568đồng, lãi phạt chậm trả lãi 0 đồng)

Kể từ thời điểm khoản vay phát sinh nợ quá hạn, VPBank đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N trả nợ cho VPBank nhưng ông X và bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày như trên, VPBank đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những nội dung như sau:

Buộc ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải trả cho VPBank tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/7/2024 là là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho VPBank theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì VPBank được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp sau đây để xử lý thu hồi toàn bộ nợ cho VPBank: Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả hết nợ thì ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho VPBank.

Ngày 29/12/2023 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã bán toàn bộ khoản nợ của ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N cho Công ty TNHH Một thành viên Mars theo hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS và các phụ lục đính kèm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ của khoản nợ nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Mars, Công ty TNHH Một thành viên Mars kế thừa đầy đủ quyền và

nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với khoản nợ đã mua và quyền đối với các tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N bao gồm các quyền và nghĩa vụ tại Tòa án theo quy định pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đề nghị Tòa án chấp nhận việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V sang Công ty TNHH Một thành viên Mars trong vụ án nêu trên.

Ngày 31/8/2023 Công ty TNHH Một thành viên Mars đã thay đổi mô hình đăng ký kinh doanh thành Công ty C.

Tại Bản tự khai ngày 17/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là Công ty C trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Nay Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải trả cho Công ty C số tiền nợ đến ngày 31/7/2024 là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N trả hết nợ cho Công ty C. Trường hợp ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Năm 2022, vợ chồng bà có ký Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/7/2022 với VPBank số tiền vay 2.460.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đã được VPBank giải ngân đủ số tiền trên. Vợ chồng bà ký kết hợp đồng tín dụng với VPBank trên tinh thần tự nguyện. Bà thừa nhận khoản vay nợ và tài sản bảo đảm cho khoản vay như người đại diện của VPBank trình bày như trên là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn kinh tế khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay bà đề nghị VPBank tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà được trả dần số nợ trên.

Ông Bùi Văn X mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt và không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C, buộc ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải trả cho Công ty C tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, nếu ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N không trả được nợ thì Công ty C được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ cho Công ty C, ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về pháp luật dân sự cho Công ty C được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V theo quy định tại khoản 4 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện cư trú tại xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi: Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/7/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản

thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử đã ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP V và bên vay là ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N; căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng vay của VPBank số tiền là 2.460.000.000 đồng và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng dử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng tối đa là 123.000.000đồng, việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, được ký kết bởi người có thẩm quyền, được công chứng theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đều phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên, kể từ ngày 15/11/2022 khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn cho đến nay. Tại phiên tòa, Công ty C yêu cầu ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải trả tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng) và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N thực trả hết toàn bộ nợ cho Công ty C theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết. Bị đơn thừa nhận tổng số dư nợ gốc, nợ lãi và ngày bắt đầu phát sinh nợ quá hạn như người đại diện của Công ty C trình bày, bị đơn không có ý kiến gì đối với phương thức tính lãi của Công ty C; bị đơn đề nghị được trả nợ dần. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho Công ty C toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 31/7/2024 là là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng) Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/7/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử. Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3]. Về yêu cầu của Công ty C đề nghị phát mại tài sản bảo đảm nếu bị đơn không trả được nợ:

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của bị đơn là: Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi

trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng. Các bên ký kết hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, được ký kết bởi người có thẩm quyền và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đều được ký kết bởi người có thẩm quyền, trên tinh thần tự nguyện, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng pháp luật phù hợp với quy định tại các điều 117, 119, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản đều phát sinh hiệu lực.

Ngày 29/12/2023 Ngân hàng TMCP V đã bán toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022, khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử cùng biện pháp bảo đảm cho Công ty C theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS và các phụ lục đính kèm phù hợp với quy định tại Điều 368 Bộ luật dân sự và Điều 14 Thông tư số 09/2015: Trường hợp quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có bảo đảm được chuyển giao thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm.

Tài sản bảo đảm đã được xem xét, thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy: Đất không có tranh chấp; đất có diện tích, các mốc giới và giáp ranh không có thay đổi gì so với khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi thế chấp cho VPBank. Về hiện trạng sử dụng: Trên đất có 01 nhà ở cấp 4, nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng là 40,7m2; diện tích sàn 40,7m2.

Vì vậy căn cứ các Điều 299, 303, 307, 320, 323, 368 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty C, trường hợp ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng

cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ còn dư sẽ được trả lại cho bị đơn. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bị đơn phải tiếp thục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty C được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 97, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299, 318, 319, 320, 323, 356, 368, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C:

1.1. Buộc ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải trả cho Công ty C số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2024 là 3.489.330.247 đồng (trong đó, nợ gốc là: 2.558.745.311 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.853.786 đồng, nợ lãi quá hạn là: 901.475.365 đồng, lãi chậm trả lãi 4.255.785đồng) theo Hợp đồng cho vay số LN2207266327742 ngày 29/7/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/7/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên

có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp ông Bùi Văn X và bà Trần Thị Nghĩa không trả được nợ cho Công ty C thì Công ty C được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng diện tích 262,8m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 472A, tờ bản đồ số 02, tại thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 562589, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01744 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/11/2020 cho người sử dụng là ông Bùi Văn Trường và bà Trần Trần Thị Hồng. Ngày 14/7/2022 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6327742 ngày 28/7/2022, số công chứng 15721/HĐTC/2022, Quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng.

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả hết nợ cho Công ty C mà còn dư thì được trả lại phần dư cho ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ trả hết khoản nợ thì ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải tiếp thục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn X và bà Trần Thị N phải nộp số tiền 101.787.000 đồng (Đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.500.000 đồng mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008916 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thuỷ nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thuỷ nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh